

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 06/2019/DS -ST

Ngày: 05/4/2019

(V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính

2. Bà Nguyễn Thị Minh Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 283/2018/TLST- DS ngày 26/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 01/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-DS ngày 19/3/2019, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Trần Quốc T, sinh năm 1984

Trú tại: KP8, phường ĐL, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T tham gia tố tụng: ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm: 1983. Ông Cao Văn Y, sinh năm: 1995 (theo Giấy ủy quyền ngày 08/01/2019, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số 75 Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết).

Địa chỉ: số XXX, đường YYY, KP1, phường PT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

\* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1978.

Trú tại: KP2, phường ĐL, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm: 1984.

Trú tại: KP8, phường ĐL, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H tham gia tố tụng: ông Nguyễn Quốc T1, sinh năm: 1983, ông Cao Văn Y, sinh năm: 1995 (theo Giấy ủy quyền ngày 08/01/2019, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, số 75 Trần Hưng Đạo, tHành phố Phan Thiết).

Địa chỉ: số XXX, đường YYY, KP1, phường PT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Lê Anh T3, sinh năm: 1977

Trú tại: KP2, phường ĐL, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông T1, vắng mặt ông Y, bà M và ông T3.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn ông Trần Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Nguyễn Quốc T1 trình bày:**

Do có quan hệ bà con nên vào ngày 20/5/2018, bà H và ông T có cho bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Anh T3 vay số tiền gốc 160.000.000 đồng để phục vụ cuộc sống gia đình, đáo hạn ngân Hàng, mua sắm ngư lưới phục vụ cho việc khai thác của gia đình bà, thời hạn vay 03 tháng trả, vay không lãi suất. Đến hạn nhưng bà M và ông T3 không trả nên ông T, bà H kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và ông T3 phải trả số tiền 160.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bà H không hứa cho bà M và ông T3 50.000.000 đồng như lời khai của bà M. Bà M cho rằng bà trả lãi cho ông T và bà H 18.000.000 đồng/tháng (tính từ tháng 3 đến ngày 10/9/2018, âm lịch) là không đúng, ông T và bà H không nhận tiền lãi của bà M và ông T3.

**\* Theo bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải ngày 11/01/2019 bà Nguyễn Thị Thu M trình bày:**

Chồng bà có biết Tòa án mời đến tòa để giải quyết vụ án nhưng do đi biển không về kịp nên bà đại diện cho chồng trình bày ý kiến tại tòa. Vào ngày 20/5/2018, bà có vay của ông T và bà H số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng trả (theo giấy mượn tiền ngày 20/5/2018 do ông T cung cấp cho Tòa án là đúng, chữ ký người vay là chữ ký, chữ viết của bà) nhưng do làm ăn thất bại không trả được. Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế bà có trả tiền lãi cho bà H, ông T 18.000.000 đồng/tháng, trả từ tháng 03 đến ngày 10/9/2018(âm lịch), việc trả lãi không có giấy tờ, nay bà không tranh chấp về số tiền lãi đã trả và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bà vay số tiền trên về để trang trải cuộc sống gia đình. Nay bà thừa nhận còn nợ ông T, bà H số tiền 160.000.000 đồng và đồng ý ra tết vợ chồng bà sẽ trả dần cho ông T bà H 160.000.000 đồng.

Trước đây bà H hứa sẽ cho vợ chồng bà 50.000.000 đồng, nay bà yêu cầu bà H thực hiện lời hứa này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn bà M có tham gia tố tụng, còn ông T3 không đến Tòa. Bà M và ông T3 không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà M và ông T3 phải trả cho ông T và bà H số tiền gốc 160.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu M cư trú tại KP2, phường ĐL, tHnh phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Phan Thiết.

Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Anh T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà M và ông T3 không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà M và ông T3 đã tự khước từ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M và ông T3.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Quốc T có cho bà Nguyễn Thị Thu M vay số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, thể hiện trong Giấy mượn tiền đề ngày 20/5/2018 có chữ ký của bà M là người vay và ông T là người cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M thừa nhận bà có vay của ông T và bà H số tiền 160.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để trang trải cuộc sống gia đình, theo giấy mượn tiền ngày 20/5/2018 do ông T cung cấp cho Tòa án là đúng. Nhưng do làm ăn thất bại nên bà chưa trả cho ông T và bà H 160.000.000 đồng, nay bà còn nợ ông T và bà H 160.000.000 đồng.

Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 20/5/2018 và sự thừa nhận của bà M xác định việc ông T và bà H có cho bà M và ông T3 vay số tiền 160.000.000 đồng và bà M và ông T3 còn nợ chưa trả cho ông T và bà H số tiền này là đúng sự thật.

Xét thời hạn ông T, bà H cho bà M và ông T3 vay là 03 tháng (tính từ ngày vay 20/5/2018 đến ngày 20/8/2018) nhưng khi đến hạn trả mà bà M và ông T3 không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T và bà H có quyền yêu cầu bà M và ông T3 phải trả số tiền 160.000.000 đồng là đúng với quy định tại Điều 463, khoản

1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên buộc bà M và ông T3 phải trả cho ông T và bà H số tiền 160.000.000 đồng.

Về tiền lãi ông T và bà H không yêu cầu nên không xét.

Xét ý kiến của bà M khai có trong hồ sơ vụ án, bà cho rằng, trong Giấy mượn tiền ngày 20/5/2018 không ghi lãi suất nhưng thực tế bà có trả tiền lãi cho bà H, ông T 18.000.000 đồng/tháng, trả từ tháng 3 đến ngày 10/9/2018(âm lịch), việc trả lãi không có giấy tờ, nay bà không tranh chấp về số tiền lãi đã trả và không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà M còn cho rằng, trước đây bà H hứa sẽ cho vợ chồng bà 50.000.000 đồng, nay bà yêu cầu bà H thực hiện lời hứa này. Nhưng theo bà H thì bà không hứa cho bà M và ông T3 50.000.000 đồng như lời khai của bà M nên ý kiến này của bà M không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà M và ông T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1/Áp dụng:** Khoản 03 Điều 26; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 262; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 4 Điều 91, điểm a khoản 1, 2, 3 Điều 92, Điều 93, khoản 1, 3 Điều 94, khoản 5 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi Hình án dân sự.

### **2/ Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Quốc T, buộc bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Anh T3 phải trả cho ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền vay **160.000.000** đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3/ Án phí:** Bà Nguyễn Thị Thu M và ông Lê Anh T3 phải chịu 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Quốc T 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai

số 0023999 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi Hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử sơ thẩm công khai, người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/4/2019). Bà H và ông T3 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phạm Phong Lan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị M Huân**

**Nguyễn Bính**

**Phạm Phong Lan**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Phong Lan**

**THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Liêm**

**Hồ Khắc T3**

**Phạm Phong Lan**

**Nơi nhận:**

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND TP Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Phong Lan**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Thu**

**Nguyễn Văn Đô**

**Phạm Phong Lan**

**Nơi nhận:**

*- Các đương sự;*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Phong Lan**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Liêm**

**Lưu Thị ThôiPhạm Phong Lan**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Phong Lan**